

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HSPT

Ngày: 27/02/2019

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:* Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 382/2018/HSPT ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị Mai H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

Lê Thị Mai H, sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 1, khối 8, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông Lê Đình T (đã chết) và bà Trần Thị Thanh T; chồng thứ nhất là Nguyễn TH H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2007; chồng thứ hai là Nguyễn Văn H và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 22/4/2017, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/5/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Mai H:* Luật sư Vũ Quốc T - Văn phòng luật sư Thiên Phúc, thuộc Đoàn luật sư T; có mặt.

** Người bị hại có kháng cáo:*

1. Anh Nguyễn Viết X; trú tại: số 20, đường Tản Đà, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh N; có mặt.

2. Chị Hoàng Thị Thanh H; trú tại: thôn 2, xã Nam Toàn, huyện Nam Trục, tỉnh N; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H; trú tại: số 53, xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh N; có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn N; trú tại: Phố 2, phường Quảng Hưng, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người bị hại khác nhưng không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 22/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T nhận được tin báo Lê Thị Mai H thường trú ở khối 8, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh N hiện ở tại khách sạn Mường Thanh, thành phố T đang có Hành vi lừa đảo bằng hình thức xin việc để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của anh Lê Văn T ở thôn Châu Tử, huyện Hậu Lộc, tỉnh T. Tại khách sạn Mường Thanh, phường Đông Vệ, thành phố T, Cơ quan điều tra đã bắt quả tang và thu giữ 100.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 500.000VNĐ).

Quá trình điều tra Lê Thị Mai H khai nhận: H không có nghề nghiệp, để có tiền chi tiêu cá nhân, H đi đến đâu cũng tự giới thiệu mình là người làm tại Hãng Hàng không Vietnam airline và thể hiện là người có kinh tế nên H đã thuê phòng tại khách sạn Mường Thanh, phường Đông Vệ, thành phố T để ở và làm nơi giao dịch nhằm mục đích tạo dựng niềm tin đối với các bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng đầu năm 2017, qua một số lần H đi chùa ở xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh T; H quen biết với anh Lê X T ở thôn Tam Đa, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc. H giới thiệu hiện H đang làm tại Sân bay Sao Vàng ở huyện Thọ X, tỉnh T. Ngày 18/4/2017, H nói với anh Thơ là Sân bay Sao Vàng đang tuyển nhân sự, nếu anh T có con cháu học xong chưa xin được việc làm thì H sẽ xin cho một suất vào làm an ninh, sân bay tại Sân bay Sao Vàng. Do tin tưởng lời H nói là thật, anh T đã nói lại với bạn mình là anh Lê Văn T ở thôn Châu Tử, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh T có con trai là Lê Văn Q học xong nhưng chưa xin được việc làm. Sau đó, anh T đã đưa anh T đến khách sạn Mường Thanh để gặp H. Tại đây H đã nhận mình làm tại Sân

bay Sao Vàng, huyện Thọ X và đưa ra các thông tin không đúng sự thật về tuyển dụng của Sân bay Sao Vàng. H hứa hẹn với anh T và anh Th sẽ xin cho cháu Q vào làm việc với chi phí xin việc hết 250.000.000 đồng, H yêu cầu phải giao cho H một bộ hồ sơ và đặt cọc trước cho H một nửa tiền. Do tin tưởng H, ngày 19/4/2017 anh T và anh Th đến khách sạn Mường Thanh, thành phố T giao cho H 70.000.000 đồng và bộ hồ sơ xin việc của Lê Văn Q. Sau khi nhận tiền và hồ sơ H không xin việc cho Q theo thỏa thuận mà hủy hồ sơ và dùng số tiền này để trả tiền phòng ở khách sạn và tiêu xài cá nhân. Sau đó, H tiếp tục yêu cầu anh Th phải chuyển nốt số tiền còn lại cho H. Ngày 22/4/2017, anh Th đã đến khách sạn Mường Thanh, thành phố T giao cho H số tiền 100.000.000 đồng, H nhận tiền và viết giấy nhận tiền 170.000.000 đồng của anh Th để xin cho cháu Q vào làm nhân viên an ninh tại Sân bay Thọ X, khi H đang kiểm tra tiền thì bị cơ quan công an bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao lại cho anh Lê Văn Th 100.000.000 đồng và Lê Thị Mai H đã khắc phục bồi thường trả cho anh Th 70.000.000 đồng.

Sau khi Lê Thị Mai H bị bắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T còn nhận được các đơn tố giác, tin báo tội phạm và đã tiến hành điều tra làm rõ và H thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu năm 2015, thông qua mối quan hệ xã hội anh Trần Văn D ở khối 13, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh N đã quen với Lê Thị Mai H, H đã giới thiệu là đang làm tại Sân bay Tân Sơn Nhất, có quen biết lãnh đạo trong ngành hàng không có khả năng xin được việc làm, H cũng đưa ra nhiều thông tin về tuyển dụng nhân sự trong ngành hàng không. Tin lời H nói là thật, anh D đã nói chuyện với anh Nguyễn Viết X ở khối 2, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh N có con trai là Nguyễn H S đang học tại Học viện hàng không. Anh X đã nhờ anh D liên hệ nhờ H xin việc cho con trai vào làm tại Sân bay Tân Sơn Nhất. Anh D hỏi H thì H nhận lời và hứa xin cho cháu S vào làm tại Sân bay Tân Sơn Nhất với chi phí khoảng 400 triệu đồng. Ngày 05/02/2015, anh D và anh X hẹn gặp H ở quán cà phê tại thành phố Vinh, anh X đã giao cho H 140 triệu đồng và một bộ hồ sơ xin việc của cháu S, H có viết giấy nhận tiền và anh D là người chứng kiến. Sau đó, H trực tiếp liên lạc với anh X và liên tục yêu cầu anh X chuyển tiếp tiền để lo việc cho cháu S, vì vậy vợ chồng anh X đã chuyển 03 lần từ tháng 3/2015 đến tháng 4/2015 với số tiền là 107 triệu đồng theo yêu cầu của H vào số tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Đắc Nông, H hẹn đến cuối tháng 4/2015, cháu S sẽ có quyết định đi làm. Đến hẹn

H lại đưa ra nhiều lí do yêu cầu anh X phải đợi thêm một thời gian nữa. Với 02 lần chuyển tiền anh X đã chuyển cho H 247.000.000 đồng.

Đến 5/2015, H nói với anh X, H có thể xin được một suất vào Sân bay Vinh, nếu anh X có nhu cầu xin cho con gái là Nguyễn Thị H thì H sẽ giúp. Do tin tưởng H, anh X đồng ý nhờ H xin việc cho con gái là Nguyễn Thị H vào làm tại Sân bay Vinh. H tiếp tục yêu cầu anh X phải chuyển tiền để H xin việc cho cháu H và cháu S. Từ tháng 5/2015 đến tháng 3/2016, anh X và cháu H đã Ch tiền 15 lần vào tài khoản của H với số tiền là 1.219.000.000 đồng.

Như vậy khoảng từ tháng 02/2015 đến tháng 3/2016, Lê Thị Mai H đã có hành vi gian dối bằng hình thức xin việc làm cho hai cháu là Nguyễn H S và Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Viết X đã đưa trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân Hng BIDV chi nhánh Đắc Nông tổng 17 lần và 01 lần giao trực tiếp với tổng số tiền 1.466.000.000 đồng. H không xin việc cho S và H mà dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu năm 2016, anh Lê X H và vợ là Nguyễn Thị O ở xóm 6B, xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh N, hai gia đình ở gần nhau nên vợ chồng anh H, chị O đã nhiều lần gặp gỡ và nói chuyện với Lê Thị Mai H, H tự giới thiệu là hiện nay H đang làm tại cảng hàng không Thọ X, tỉnh T, H có nhiều mối quan hệ rộng có khả năng xin được việc làm vào các cơ quan nhà nước. Quá trình tiếp xúc H luôn tỏ ra có kinh tế, là người thích làm việc thiện, có chồng làm bộ đội Biên Phòng nên vợ chồng anh H, chị O rất tin tưởng H nên đã giới thiệu cho một số bạn bè thân quen của mình là Nguyễn Quang K, chị Trương Thị S và anh Lương Văn C về H để họ xin việc cho các con em vào làm việc như:

Khoảng tháng 6/2016, anh Nguyễn Quang Kh và vợ là Lương Thị T, ở Khu 1, thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh N là bạn bè chơi thân với vợ chồng anh H, chị O nên vợ chồng anh K đã nói chuyện với chị O về việc con trai là Nguyễn Hoàng N học xong cấp 3, không thi đỗ đại học, gia đình có nguyện vọng xin cho con vào học tại Học viện Biên Phòng. Chị O, anh H đã hỏi H có xin được cho cháu N vào học tại Học viện biên phòng hay không? H đã nhận lời và hứa sẽ xin được cho cháu N đi học theo đúng nguyện vọng, chi phí xin vào học hết khoảng 300 đến 400 triệu đồng. Theo yêu cầu của H, ngày 19/7/2016 anh K cùng anh H đi ra T giao cho H số tiền 100 triệu đồng tại khách sạn Mường Thanh - thành phố T, H viết giấy nhận tiền với anh K, anh H và hứa sẽ xin được cho cháu Nguyễn Hoàng N vào học viện biên phòng và H đã xin số điện thoại của anh K và trực tiếp liên lạc. Đến ngày 27/7/2016, H điện thoại yêu cầu vợ chồng anh K chuyển tiền tiếp để H lo việc, anh K và chị

T ra khách sạn Mường Thanh, thành phố T giao tiếp cho H số tiền 100 triệu đồng, H viết giấy nhận tiền với vợ chồng anh K. Sau đó, H tiếp tục yêu cầu vợ chồng anh K, chị T chuyển tiền vào số tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân Hng BIDV chi nhánh Đắc Nông vào ngày 29/7/2016 và ngày 06/9/2016 với số tiền là 88 triệu đồng.

Như vậy tổng số tiền H đã nhận của vợ chồng anh K là 288.000.000 đồng để cháu N nhận giấy nhập học, sau khi nhận số tiền này H đã sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng 7/2016, xuất phát từ mối quan hệ là bạn bè thân quen từ trước giữa anh Lê X H, vợ là Nguyễn Thị O với chị Trương Thị S ở khu 1, thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh N. Qua các cuộc nói chuyện chị S biết được vợ chồng anh H, chị O có quen biết với Lê Thị Mai H đang làm ở Cảng hàng không Thọ X, tỉnh T có mối quan hệ rộng rãi, có khả năng xin được việc làm và đang xin cho con của vợ chồng anh K vào Học viện biên phòng, nên chị S đã nhờ chị O, anh H hỏi H xin cho con gái là H Thị Y vào làm kế toán Sân bay Vinh. Sau khi chị O hỏi H, H nói bản thân có một suất xin vào Sân bay Vinh nên nhận lời và hứa sẽ xin được việc cho cháu Y, chi phí xin việc khoảng 300 đến 400 triệu đồng. H yêu cầu phải giao trước một nửa tiền để lo việc. Chị O đã nói lại với chị S, chị S đồng ý và đã giao cho chị O với số tiền là 230 triệu đồng, ngày 31/7/2016, chị O và anh H đến khách sạn Mường Thanh, thành phố T giao cho H số tiền 100 triệu đồng, còn giữ lại 130 triệu đồng chờ khi nào có quyết định sẽ giao đủ cho H, chị S không biết chị O giữ lại số tiền trên. Sau đó thông qua chị O, H liên tục yêu cầu chị S phải chuyển thêm tiền để H lo việc. Theo yêu cầu của H, ngày 04/7/2016 chị S chuyển vào số tài khoản 63510000218697 cho H số tiền 70 triệu đồng. Tiếp đó ngày 19/8/2016, chị S nhờ chị T là vợ anh K chuyển số tiền 100 triệu đồng. Ngoài ra H còn yêu cầu chị S chuyển thêm 02 lần ngày 04/7/2016 và ngày 26/8/2016 với số tiền là 11,5 triệu đồng để cháu Y lấy quyết định đi làm. Tổng số tiền H đã nhận của chị Sáu là 281.500.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, H không đi lo việc như đã hứa mà sử dụng để tiêu xài cá nhân. Ngày 02/11/2017, chị O đã trả gửi lại số tiền 130 triệu đồng chưa giao cho H trả cho chị S.

Vụ thứ tư: Thông qua việc quen biết với vợ chồng anh Lê X H, chị Nguyễn Thị O, khoảng tháng 7/2016, vợ chồng anh Lương Văn Ch và vợ là Vy Thị L ở Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh N. Chị O đã nói cho vợ chồng anh Ch biết việc chị O có quen biết với chị H, làm ở cảng hàng không có mối quan hệ rộng rãi nên chị O đang nhờ H xin việc cho con của chị T và chị S nên vợ chồng anh Ch, chị L đã nhờ chị O hỏi H xin giúp cho con gái là Lương Anh T

vào làm tại Sân bay Vinh. Sau khi hỏi thì chị O được H cho biết hiện nay còn một suất của người bạn của H, H sẽ nói bạn nhường lại để xin cho cháu T, chi phí xin việc theo H yêu cầu khoảng 200 triệu đồng. Chị O đã nói lại với vợ chồng anh Ch cho nên ngày 22/7/2016, anh Ch cùng với anh H ra khách sạn Mường Thanh - thành phố T giao cho H số tiền 100 triệu đồng, H có viết giấy nhận tiền. Sau đó, H xin số điện thoại và tiếp tục yêu cầu vợ chồng anh Ch, chị L chuyển tiền cho H cho để lo xin việc cho cháu T. Vợ chồng anh Ch, chị L đã chuyển vào số tài khoản 63510000218697 của H 02 lần vào ngày 29/7/2016 và 23/8/2016 với tổng số tiền 138.800.000 đồng và vợ chồng anh Ch, chị L đã nhờ chị Lương Thị T chuyển 50 triệu đồng vào tài khoản của H vào ngày 29/8/2016. Như vậy, tổng số tiền mà H đã lừa đảo để chiếm đoạt của vợ chồng anh Ch, chị L là 288.800.000 đồng, sau khi nhận tiền thì Lê Thị Mai H đã dùng số tiền này để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ năm: Thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 11/2016 do tin tưởng H có mối quan hệ rộng rãi và đang làm việc tại cảng hàng không, vào tháng 9/2016 anh Lê X H đã nhờ H xin cho cháu Lê Thị H là con anh trai của anh H vào làm kế toán ở Phòng cảnh sát cơ động 113 - Công an tỉnh N. H đã đồng ý và yêu cầu anh H chuyển trước số tiền 90.000.000 đồng vào tài khoản 63510000218697 cho H, sau đó anh H còn chuyển tiếp một lần nữa với số tiền 32.500.000 đồng. Như vậy để xin việc cho cháu mình là Lê Thị H, anh Lê X H đã chuyển cho H với tổng số tiền là 122.500.000 đồng, số tiền này là tiền của anh H tự bỏ ra để xin việc cho cháu Lê Thị H.

Ngoài ra anh Lê X H đã giới thiệu với một số bạn bè thân quen của mình về H đang làm ở hãng Hng không là người có thể xin được việc vào nhiều cơ quan, vì vậy có một số bạn bè của anh H đã nhờ anh H xin cho các cháu vào làm ở các cơ quan cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Văn N ở xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh N do có mối quan hệ thân thiết với gia đình anh Lê X H và chị Nguyễn Thị O, qua nhiều lần nói chuyện, anh H nói với anh N có quen biết với Lê Thị Mai H, H giới thiệu đang làm ở cảng hàng không T có nhiều mối quan hệ rộng nên xin được việc làm. Tháng 6/2016, H nói với anh H có thể xin được một suất vào làm bệnh viện Ba Lan ở thành phố Vinh, nếu anh H có con cháu chưa xin được việc thì H sẽ giúp. Do biết gia đình anh N có con gái Nguyễn Thị Q học y ra chưa xin được việc làm. Anh H tin tưởng lời H là thật nên đã nói với anh N và anh N đồng ý nhờ anh H xin cho cháu Q vào làm việc tại Bệnh viện Ba Lan ở thành phố Vinh, tỉnh N. Anh H hỏi H thì H nhận lời xin được việc cho cháu Q mọi chi phí hết 150.000.000 đồng. Cuối tháng 6/2016, anh N đã chuyển cho anh H 02 lần với số tiền 150.000.000 đồng. Anh H đã chuyển số

tiền trên vào số tài khoản 63510000218697 của H. Đến tháng 9/2016, H trao đổi lại với anh H là chuyển cháu Q sang làm ở Bệnh viện quân khu 4 và phải chi thêm 90.000.000 đồng. H hẹn 02 tháng sau sẽ có quyết định cho cháu Q đi làm. Anh N đã chuyển 90.000.000 đồng cho anh H và anh H đã chuyển số tiền này vào tài khoản của H.

Như vậy với thủ đoạn xin việc cho cháu Nguyễn Thị Q, Lê Thị Mai H đã lừa đảo để anh H chuyển cho H số tiền là 240.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền H không đi xin việc mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Chị Nguyễn Thị H ở xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương, tỉnh N có mối quan hệ thân thiết với gia đình anh Lê X H và chị Nguyễn Thị O, qua nhiều lần nói chuyện với chị H, chị H có ý muốn xin cho con gái là Lê Thị H học y xong đi làm. Anh H lại nghe H nói đã chuyển trường hợp của Nguyễn Thị Q sang Bệnh viện Quân khu 4, thì còn trống một suất ở bệnh viện Ba Lan, do đó anh H đã nhờ H xin cho cháu Hải vào làm. Anh H đã hỏi lại H, H nhận lời xin được việc cho cháu H mọi chi phí hết khoảng 300.000.000 đồng, anh H nói lại với chị H. Ngày 09/9/2016, chị H đã chuyển cho anh H số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó anh H đã chuyển số tiền trên vào số tài khoản 63510000218697 của H, H hẹn 01 tháng sau sẽ có quyết định đi làm.

Như vậy để xin việc cho cháu Lê Thị H, anh H đã chuyển 170.000.000 đồng cho H, H đã không đi xin việc mà sử dụng số tiền trên vào chi tiêu cá nhân hết.

3. Anh Phạm Quang B ở khối 8, thị trấn Thanh Chương, tỉnh N do có mối quan hệ thân thiết với gia đình anh Lê X H và chị Nguyễn Thị O, qua nhiều lần nói chuyện với anh B, anh H đã giới thiệu có quen biết với Lê Thị Mai H, H giới thiệu đang làm ở cảng hàng không T có nhiều mối quan hệ rộng, gia đình anh B có cháu Phạm Thị T đang cần xin việc làm. Khoảng tháng 9/2016, H nói với anh H là Bệnh viện Thanh CH thiếu 01 xuất kế toán do có người nghỉ hưu. Anh H đã nói chuyện với anh B, anh B đã nhờ anh H xin cho con gái là Phạm Thị T học y xong. Anh H đã hỏi lại H, H nhận lời xin được việc cho cháu T vào làm kế toán tại Bệnh viện Thanh CH hết 300.000.000 đồng, anh H nói lại với anh B nên anh B đã đồng ý. Ngày 12/10/2016, anh B đã chuyển cho anh H với số tiền 160.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có quyết định sẽ chuyển hết. Sau khi nhận được số tiền trên anh H đã chuyển vào số tài khoản 63510000218697 của H và H hẹn đến tháng 11/2016, cháu T sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nhận được tiền H không xin việc mà sử dụng số tiền trên vào chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy với thủ đoạn xin việc cho cháu T, Lê Thị Mai H đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng; Với thủ đoạn để xin việc cho các cháu Lê Thị H, Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Phạm Thị T thì Lê Thị Mai H đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê X H với tổng số tiền là 692.500.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Chị Võ Thị Kim T ở Phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh K có chồng là anh Hoàng Mạnh C là bạn học cùng với chồng của Lê Thị Mai H là Nguyễn Văn H tại Trường trung cấp biên phòng. Trong những lần gặp mặt, H giới thiệu là đang công tác tại Tổng công ty hàng không Việt Nam, có quen biết nhiều lãnh đạo trong ngành hàng không. Khoảng tháng 3/2016, H có liên lạc với vợ chồng anh C nói là đang đi công tác tại Sân bay Cam Ranh, H nói là có khả năng xin được một suất vào làm an ninh Sân bay Cam Ranh nên gia đình chị T có người cần xin vào làm thì H sẽ giúp. Tin H nói là thật, chị T đã nhờ xin cho em trai chị T là Võ X Th hiện chưa có việc làm, H nói chi phí xin việc hết 200 triệu đồng. H yêu cầu giao trước cho H số tiền 100 triệu đồng, ngày 21/3/2016, chị T đã chuyển từ số tài khoản 60110000292588 của mình vào số tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân Hng BIDV chi nhánh Đắc Nông cho H 02 lần với tổng số tiền là 100 triệu đồng. Ngày 22/3/2016, H tiếp tục yêu cầu chuyển tiền để sớm có quyết định đi làm nên chị T đã chuyển thêm 02 lần với tổng số tiền là 100 triệu đồng vào tài khoản trên của H, H hẹn đến ngày 12/04/2016 sẽ có quyết định đi làm.

Trong thời gian chờ đợi, H tiếp tục đưa ra lý do là chuyên hồ sơ của anh Th vào Sân bay Vinh để qua thời gian tập sự 03 năm, khi có quyết định vào Sân bay Cam Ranh không phải qua thời gian thử thách nữa. Do đó, H yêu cầu phải chuyển thêm tiền để lo việc. Ngày 23/3/2016, chị T chuyển số tiền 70 triệu đồng từ tài khoản của mình vào tài khoản của H. Sau đó, H lại đưa ra nhiều lý do như mua quần áo, làm thẻ nhân viên, ngoại giao tiếp khách... và yêu cầu chị T phải chuyển tiền để H lo việc, do đó chị T đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản của H cụ thể: Ngày 25/3/2016 chuyển 100 triệu đồng; ngày 28/3/2016 chuyển 66 triệu đồng; ngày 31/3/2016 chuyển 28,5 triệu đồng; ngày 04/4/2016 chuyển 85 triệu đồng và H hẹn ngày 12/4/2016 sẽ có quyết định cho anh Th đi làm. Đến hẹn đã hứa, chị Thoa có hỏi H thì H hẹn sáng 25/4/2016 sẽ có quyết định đi làm và yêu cầu chị T chuyển thêm 29 triệu đồng và ngày 14/4/2016 chuyển thêm 14 triệu đồng để lấy quyết định cho anh Th đi làm. Sau đó, H đưa ra lý do là phải đóng cổ phần vào Sân bay Cam Ranh để được hưởng phần trăm doanh thu, tất cả số tiền đóng cổ phần, mua quần áo, thẻ... sẽ được trả lại khi có quyết định chính thức. Do tin tưởng H nên chị T đã

bảo anh C chuyển tiền từ tháng 7/2016 đến tháng 11/2016 nhiều lần vào tài khoản trên theo yêu cầu của H.

Tổng cộng vợ chồng chị T, anh C đã chuyển tiền từ tháng 3/2016 đến tháng 11/2016 vào tài khoản cho H 22 lần với tổng số tiền là 1.251.500.000 đồng. Sau nhiều lần hứa hẹn, lần cuối cùng H hẹn vào ngày 22/11/2016, sẽ có quyết định đi làm, nhưng vẫn không có. Biết mình bị lừa, chị T đã nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền. Như vậy, tổng số tiền đến nay H đã chiếm đoạt của chị Võ Thị Kim T là 1.251.500.000 đồng. H mới trả lại được 60 triệu đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng tháng 7/2016, thông qua anh Hoàng Mạnh C đã giới thiệu với chị Hoàng Thị Thanh H ở thôn 2, xã Nam Toàn, huyện Nam Trực, tỉnh N là anh C quen biết với Lê Thị Mai H đang công tác tại Tổng công ty hàng không Việt Nam, hiện H đang là Trưởng phòng nhân sự. Chị H đã thông qua anh C để quen với H, qua các cuộc nói chuyện H nói với chị H là có khả năng xin được việc cho người quen vào làm tại Sân bay Nội Bài - H Nội. H hỏi chị H có con em chưa có việc làm không thì H sẽ giúp. Tin lời H nói là thật, gia đình chị H có em gái là Hoàng Thị Mai T học Đại học ngoại thương, học xong ra trường chưa có việc làm, nên chị H đã nhờ H xin việc cho em gái, H đồng ý. H yêu cầu để xin được việc phải chuyển cho H số tiền 100 triệu đồng làm kinh phí xin việc. Ngày 12/7/2016, chị H đã nhờ người chuyển số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Đắc Nông. Sau khi nhận được tiền, H hẹn một tháng sẽ có quyết định cho T đi làm. Nhưng sau đó H tiếp tục yêu cầu chị H chuyển tiền để H đóng cổ phần cho T vào Sân bay Nội Bài, chị H đã chuyển cho H 50 triệu đồng vào ngày 03/11/2016 và 15 triệu đồng vào ngày 08/11/2016. Ngoài ra, H còn đưa ra nhiều lí do khác nhau để yêu cầu chị H phải tiếp tục chuyển tiền cho H.

Như vậy, từ ngày 12/7/2016 đến ngày 06/01/2017, chị H đã chuyển tiền cho H tổng 18 lần, trong đó 14 lần chị H chuyển vào tài khoản của H còn 04 lần chị H trực tiếp giao tiền cho H với tổng số tiền là 433.440.000 đồng. Sau khi nhận được tiền H không xin việc cho T, không trả lại tiền cho chị H mà chỉ tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ tám: Chị Nguyễn Thị H trú tại xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh N là người kinh doanh ở chợ Vinh, khoảng năm 2013, do Lê Thị Mai H nhiều lần đến mua hàng của chị H, nên chị H đã quen H. H có giới thiệu là đang công tác tại Cảng hàng không Thọ X, tỉnh T, có nhiều mối quan hệ rộng và bản thân có khả năng xin được việc làm.

Khoảng tháng 01/2017, H nói với chị H, Hxin được một suất vào làm tại Sân bay Vinh, nếu có con em chưa có việc làm thì H sẽ giúp. Tin lời H nói là thật, gia đình chị H lại có con trai là Phan Hồng S học xong ra trường chưa có việc làm, nên chị H đã nhờ H xin việc giúp cho S, H đồng ý và nói chi phí hết khoảng 200 triệu đồng. H yêu cầu chị H phải đặt cọc trước số tiền 75 triệu đồng. Ngày 20/01/2017, chị H đã chuyển vào số tài khoản 63510000218697 mang tên Lê Thị Mai H tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Đắc Nông số tiền 20 triệu đồng. Sau đó khoảng 03 ngày, chị H giao trực tiếp cho H thêm 45 triệu đồng, H đã viết giấy nhận tiền dôn 02 lần với số tiền là 65.000.000 đồng. Sau đó, H đưa ra nhiều lí do yêu cầu chị H phải chuyển tiền cho H để H chạy xin việc cho Son.

Từ ngày 20/01/2017 đến tháng 04/2017, chị H đã chuyển tổng 20 lần qua tài khoản và 01 lần chuyển tiền trực tiếp cho H với tổng số tiền là 716.200.000 đồng. Nhận tiền của chị H, H không xin việc cho S theo thỏa thuận mà dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, Lê Thị Mai H đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H số tiền 716.200.000 đồng.

Vụ thứ chín: Anh Nguyễn Văn N ở phố 2, phường Quảng Hưng, thành phố T là bạn học cùng với chồng của Lê Thị Mai H là Nguyễn Văn H tại trường trung cấp biên phòng. Vợ chồng anh N đã nhiều lần gặp H, H tự giới thiệu H làm ở Tổng công ty hàng không Việt Nam đang đi công tác tại Sân bay Sao Vàng. Biết gia đình anh N có hai cháu là Mai Thị L và Nguyễn Thị H học xong nhưng chưa có việc làm, H đã gợi ý và nói xin cho cháu L làm trưởng cửa hàng Vietel ở ngã ba Voi, phường Đông Vệ, thành phố T và xin cho cháu H vào làm ở Cảng hàng không Thọ X, tỉnh T. H nói việc xin việc không mất tiền, nhưng H nài ra lý do như phải đặt cọc, ngày 12/02/2016 anh N đã giao cho H 27,8 triệu đồng cho Vietel để cháu L đi làm và phải nộp 14,6 triệu đồng để mua quần áo, làm thẻ và hẹn một tuần sau L sẽ đi làm. Như vậy tổng số tiền anh N đã giao cho H để xin việc cho cháu L là 42,4 triệu đồng.

Đối với Nguyễn Thị H, H đã hứa xin vào Cảng hàng không Thọ X, tỉnh T, H yêu cầu anh N phải đưa cho H một bộ hồ sơ xin việc và 55 triệu đồng tiền đặt cọc, sau đó H hẹn đến ngày 25/12/2016 sẽ đưa cháu H đi tập huấn tại H Nội và phải chi phí hết 66,6 triệu đồng. Đến ngày 03/01/2017, H lại tiếp tục yêu cầu anh N chuyển cho H 70 triệu đồng để đóng cổ phần nhưng gia đình anh N mới chuyển cho H được 25 triệu đồng và H hẹn đến ngày 06/01/2017 thì L và H sẽ đi làm. Như vậy với 03 lần anh N đã chuyển cho H với số tiền là 146.600.000 đồng để xin việc cho cháu H. Nhận tiền của anh N nhưng H không xin việc cho L và H theo thỏa thuận mà dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết. Biết bị H lừa nên anh N đã nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền cho anh

N, nhưng H mới trả cho anh N được 20 triệu đồng. Đến ngày 26/3/2017, H đã viết giấy nhận nợ với tổng số tiền 169.000.000 đồng. Như vậy, Lê Thị Mai H đã lừa đảo về việc xin việc làm cho hai cháu H và L để chiếm đoạt của anh N số tiền 189.000.000 đồng. Bị cáo trả thêm cho anh N 20 triệu đồng. Trước đó và quá trình điều tra, bị cáo trả thêm cho anh N 20 triệu đồng, tổng đã trả là 40.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 02/2015 đến tháng 4/2017, Lê Thị Mai H với thủ đoạn giả danh là cán bộ ngành hàng không, có nhiều mối quan hệ rộng, có khả năng xin được việc làm vào các ngành như hàng không, y tế và một số cơ quan khác để chiếm đoạt của 10 bị hại với tổng số tiền 5.776.940.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Mai H 19 (Mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. (Được trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 22/4/2017 đến ngày 01/5/2017).

Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589, 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Mai H phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Anh Nguyễn Viết X 1.466.000.000 đồng; anh Nguyễn Quang K 288.000.000 đồng; bà Trương Thị S 281.500.000 đồng; anh Lương Văn Ch 288.800.000 đồng; anh Lê X H 692.500.000 đồng; chị Võ Thị Kim T 1.191.500.000 đồng; chị Hoàng Thị Thanh H 433.440.000 đồng; chị Nguyễn Thị H 716.200.000 đồng; anh Nguyễn Văn N 149.000.000 đồng. Tổng cộng là: 5.506.940.000 đồng (Năm tỷ năm trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/4/2018, bị cáo Lê Thị Mai H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các ngày 02, 03, 16/4/2018, những người bị hại là chị Hoàng Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Viết X và chị Nguyễn Thị H kháng cáo cùng nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Mai H và xem xét việc bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Mai H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo.

Nay bị cáo không có ý kiến gì mà chỉ xin được khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù, để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với xã hội và gia đình để nuôi dạy con cái.

Những người bị hại có kháng cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử bị cáo và sớm thu tiền về cho người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm đã khẳng định: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt này là phù hợp, không phải là nặng và không phải còn quá nhẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cũng không cần thiết phải tăng hình phạt, mà cần giữ nguyên hình phạt tù của bị cáo như bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Vũ Quốc T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và bị cáo luôn có thái độ khai báo thành khẩn để khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù, vì mức hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo là quá nặng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện lời khai của bị cáo, lời trình bày của những người bị hại, lời bào chữa của luật sư cho bị cáo và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát N dân cấp cao tại H Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Mai H đã thành khẩn khai báo, bị cáo thừa nhận bị cáo đã có hành vi gian dối, cụ thể bị cáo tự nhận mình có quan hệ rộng và bị cáo làm trong ngành hàng không, ai có nhu cầu xin việc làm thì bị cáo xin cho với mục đích là để chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Do tin tưởng bị cáo nên đã có 10 người bị hại đưa tiền cho bị cáo với tổng số tiền là 5.776.940.000 đồng, đến nay bị cáo không xin được việc và cũng chưa trả lại tiền cho bị hại.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Mai H là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã có hành vi gian dối đối với rất nhiều người bị hại (10 người) để chiếm đoạt tiền của họ và thực tế là bị cáo đã chiếm đoạt được tổng số tiền rất lớn (gần 06 tỷ đồng) đến nay chưa trả lại cho bị hại, gây thiệt hại nặng nề cho người bị hại, vì có nhiều người bị hại phải đi vay tiền với mục đích xin việc cho con, đến nay họ vẫn chưa được bị cáo trả lại tiền, nên vẫn còn đang nợ khoản tiền mà họ đã vay người khác. Do bị cáo đã có hành vi lừa dối đối với rất nhiều người và chiếm đoạt được tổng số tiền đặc biệt lớn như nêu trên, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Mai H gây ra, cũng như đã xem xét đầy đủ về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử cấp phúc

thẩm xem xét cho bị cáo. Do đó, xét mức hình phạt 19 năm tù của bị cáo không phải là nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo và cũng không phải là còn quá nhẹ như nội dung kháng cáo của người bị hại. Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo, cũng như không có căn cứ để xử tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo như nội dung kháng cáo của người bị hại, để giữ nguyên mức hình phạt tù của bị cáo như quyết định của tòa án cấp sơ thẩm thì cũng đủ thời gian để trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và vẫn đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê Thị Mai H, cũng như không chấp nhận nội dung kháng cáo của những người bị hại đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo, để giữ nguyên mức hình phạt tù của bị cáo như bản án sơ thẩm. Nay tuyên:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mai H 19 (Mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam kể từ ngày 22/4/2017 đến ngày 01/5/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại H nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Bị cáo và những NBH (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hùng